

DỰ TOÁN THU CHI TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CỦA UBND XÃ ĐẮK SAO NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND, ngày 18/8/2026 của HĐND xã Đắk Sao)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung/Hạng mục chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
A	Tổng dự toán thu trong năm 2026				1.285.279.098	
	Kinh phí quản lý và tự bảo vệ				1.284.950.570	
	Tiền lãi				328.528	
1	Tiền DVMTR tồn năm trước chuyển sang				577.676.447	
-	Kinh phí quản lý và tự bảo vệ				577.347.919	
-	Tiền lãi				328.528	
-	Kinh phí chi cho hộ nhận khoán					
2	Kinh phí năm 2025 thu trong năm 2026				325.723.966	Theo thông báo số 120/TB-QBVMTR ngày 27/5/2025
-	Kinh phí quản lý và tự bảo vệ				325.723.966	
3	Kế hoạch thu tiền DVMTR năm 2026				381.878.685	(Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 13/2/2026 của UBND tỉnh của tỉnh Quảng Ngãi)
-	Kinh phí quản lý và tự bảo vệ				381.878.685	
B	Tổng dự toán chi năm 2026				381.847.924	
I	Chi thường xuyên				381.847.924	
	Chi phí quản lý và tự bảo vệ				381.847.924	
1	Chi hành chính (CCDC, vật tư, văn phòng phẩm, ...) (biểu số 7)	đồng			51.105.000	Tạm tính theo giá thị trường tại thời điểm lập dự toán
2	Chi in ấn tờ rơi, băng rôn tuyên truyền quản lý BVR (Biểu số 1)	đồng			38.500.000	Khoản 4 Điều 70 Nghị định 156/2018/NĐ - CP

3	Chi phổ biến, tuyên truyền QLVR - PCCCR (Biểu số 3)	đồng			102.400.000	Khoản 4 Điều 70 Nghị định 156/2018/NĐ - CP
4	Chi hội nghị tổng kết công tác DVMTR năm 2024 (Biểu số 4)	Cuộc			26.530.000	Khoản 4 Điều 70 Nghị định 156/2018/NĐ - CP
5	Chi tuần tra Phòng cháy chữa cháy rừng (Biểu số 2)	đồng			94.984.615	Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi
6	Chi tiền làm thêm giờ của Tổ công tác liên ngành quản lý bảo vệ rừng (biểu số 8)	đồng			27.928.308	Chi theo khoản 4 điều 70 Nghị định 156/2018 và Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 25/2/2014 của UBND tỉnh Kon Tum
7	Xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô cấp xã 2023-2024 (biểu số 9)	đồng			10.400.000	Tạm tính theo giá thị trường tại thời điểm lập dự toán
8	#REF!	đồng			30.000.000	Tạm tính theo giá thị trường tại thời điểm lập dự toán
II	Chi trồng rừng					
-	Chi phí chăm sóc trồng rừng năm thứ 4 thuộc dự án trồng rừng năm 2021 (Biểu số 06)	Năm	1			
C	Nguồn còn lại chưa phân bổ chuyển sang năm sau (A-B)				903.431.174	